

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T
với anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 637/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Ngọc T, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Phát, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Lý Minh Đ, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Trung, xã MP, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Ngọc T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Đ sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện C, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân hơn 02 năm. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Có 09 chỉ vàng 24kr do bà Muội đang quản lý, chị yêu cầu bà Muội trả lại để vợ chồng chia theo quy định.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, rút yêu cầu chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đ Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị đã ly thân, Tòa án nhiều lần mở các phiên hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ vắng mặt không lý do, thể hiện anh Đ không còn quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

- Về nuôi con chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Có 09 chỉ vàng 24kr do bà Muội đang quản lý, chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân chị T; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của chị T, anh Đ; biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Đ đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 190, ngày 09/11/2016. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp anh chị ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt không lý do. Thời gian ly thân là thời gian để vợ chồng suy ngẫm và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh chị đã không hàn gắn được. Cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Do rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên chị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Ngọc T được ly hôn anh Lý Minh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 190, ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã MP, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Hà Ngọc T.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Hà Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số: 0005951 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Chị Hà Ngọc T được nhận lại 450.000 đồng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số: 0005952 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã MP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chảo Nguyễn Ngọc Đây

Lê Thị Hồng Thi

